

Số: 199 /QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy  
cho học sinh các khóa cũ thi lại  
Kỳ thi tháng 01/2018**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-LTT-ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TC (9+3), 16 TN (12+2), 16 TCT (12+2N3T); Trung cấp nghề 15 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2017 -2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TC (9+3), 16 TN (12+2), 16 TCT (12+2N3T); Trung cấp nghề 15 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2017 -2018 ngày 09 tháng 3 năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy cho 30 học sinh các khóa cũ thi lại (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *nhu*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*[Signature]*  
**Phạm Hữu Lộc**



**DANH SÁCH HỌC SINH CÁC KHÓA CŨ**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**  
**KỲ THI THÁNG 01/2018**

(Kèm theo Quyết định số: 199 /QĐ-LTT-ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | Mã HS      | Họ và Tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Lớp học   | TBC TK | Điểm TB thi TN | Điểm xếp loại TN | Xếp loại TN    | Ghi chú             |
|-----|------------|-----------------------|-----------|------------|-----------------|-----------|--------|----------------|------------------|----------------|---------------------|
| 1   | 13B3080019 | Phạm Văn Được         | Nam       | 27/02/1995 | Quảng Ngãi      | 13TC-Đ    | 6.3    | 5.8            | 6.1              | Trung bình     | Thi lại 3 lần       |
| 2   | 13B2020002 | Nguyễn Trường Ân      | Nam       | 01/01/1993 | Cần Thơ         | 13TC-QTM  | 6.3    | 5.5            | 5.9              | Trung bình     |                     |
| 3   | 12B2020004 | Huỳnh Văn Dương       | Nam       | 16/6/1994  | Phú Yên         | 13TC-QTM  | 5.9    | 5.5            | 5.7              | Trung bình     |                     |
| 4   | 13B2020048 | Hà Minh Mẫn           | Nam       | 24/02/1991 | Tây Ninh        | 13TC-QTM  | 6.1    | 5.5            | 5.8              | Trung bình     |                     |
| 5   | 14000178   | Nguyễn Công Chánh     | Nam       | 20/02/1995 | Tây Ninh        | 14TC-CKP  | 6.1    | 6              | 6.1              | Trung bình khá |                     |
| 6   | 14000184   | Nguyễn Quang Huy      | Nam       | 16/11/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | 14TC-CKP  | 6.9    | 6              | 6.5              | Trung bình     | Thi lại 1 lần 3 môn |
| 7   | 14000186   | Y Nhật Minh           | Nam       | 30/03/1995 | Gia Lai         | 14TC-CKP  | 6.4    | 6.2            | 6.3              | Trung bình khá |                     |
| 8   | 14000052   | Nguyễn Hoàng Nhi      | Nam       | 14/10/1996 | Trà Vinh        | 14TC-Đ    | 6.3    | 5.3            | 5.8              | Trung bình     |                     |
| 9   | 14000059   | Phạm Thanh Sang       | Nam       | 05/09/1992 | Cà Mau          | 14TC-Đ    | 6.2    | 5.3            | 5.8              | Trung bình     |                     |
| 10  | 14000350   | Nguyễn Nhật Long      | Nam       | 22/12/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | 14TC-QTM  | 6.6    | 5.3            | 6                | Trung bình khá |                     |
| 11  | 13B2020059 | Nguyễn Minh Thao      | Nam       | 19/02/1995 | Bình Thuận      | 14TC-QTM  | 5.9    | 5.8            | 5.9              | Trung bình     |                     |
| 12  | 15002169   | Nguyễn Cường Thịnh    | Nam       | 20/12/1997 | Tây Ninh        | 15TCT-CK  | 6.5    | 6.8            | 6.7              | Trung bình khá |                     |
| 13  | 15003375   | Trần Nguyễn Xuân Thảo | Nữ        | 07/03/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 15TCT-MTT | 6.6    | 6.3            | 6.5              | Trung bình khá |                     |
| 14  | 15001091   | Nguyễn Đăng Hoàng Duy | Nam       | 27/09/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 15TCT-NL  | 7      | 8.2            | 7.6              | Khá            |                     |

| STT | Mã HS    | Họ và Tên    |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Lớp học  | TBC TK | Điểm TB thi TN | Điểm xếp loại TN | Xếp loại TN    | Ghi chú                            |
|-----|----------|--------------|-------|-----------|------------|-----------------|----------|--------|----------------|------------------|----------------|------------------------------------|
| 15  | 15001867 | Nguyễn Tấn   | Phát  | Nam       | 07/8/1997  | Bình Thuận      | 15TCT-NL | 6.4    | 7.7            | 7.1              | Khá            |                                    |
| 16  | 15002060 | Lê Tấn       | Thành | Nam       | 22/08/1997 | Tây Ninh        | 15TCT-NL | 7      | 7.3            | 7.2              | Khá            |                                    |
| 17  | 15003450 | Mai Nhật     | Kha   | Nam       | 23/08/1997 | Lâm Đồng        | 15TN-CK  | 6.3    | 7.4            | 6.9              | Trung bình khá |                                    |
| 18  | 15003398 | Nguyễn Thành | Luân  | Nam       | 02/06/1997 | Quảng Ngãi      | 15TN-Đ   | 6.7    | 7              | 6.9              | Trung bình khá |                                    |
| 19  | 15000563 | Nguyễn Thanh | Phước | Nam       | 17/12/1997 | Tây Ninh        | 15TN-Đ   | 6.5    | 6.8            | 6.7              | Trung bình khá |                                    |
| 20  | 15003406 | Nguyễn Ngọc  | Sang  | Nam       | 01/06/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | 15TN-Đ   | 6.6    | 6.3            | 6.5              | Trung bình khá |                                    |
| 21  | 15003429 | Nguyễn Tấn   | Tâm   | Nam       | 22/09/1994 | Long An         | 15TN-Đ   | 6.5    | 6.3            | 6.4              | Trung bình khá |                                    |
| 22  | 15003463 | Đoàn Văn     | Cường | Nam       | 02/02/1995 | Bến Tre         | 15TN-NL  | 6.6    | 6.5            | 6.6              | Trung bình khá | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 23  | 15003392 | Nguyễn Ngọc  | Hải   | Nam       | 14/03/1996 | Đồng Nai        | 15TN-NL  | 7      | 6.5            | 6.8              | Trung bình khá | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 24  | 15003443 | Nguyễn Trung | Hiếu  | Nam       | 28/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | 15TN-NL  | 6.8    | 7.2            | 7                | Khá            |                                    |
| 25  | 15002987 | Đặng Bá      | Huỳnh | Nam       | 21/08/1997 | Bình Thuận      | 15TN-NL  | 6.7    | 6.5            | 6.6              | Trung bình khá | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 26  | 15003281 | Hồ Phi       | Nam   | Nam       | 16/03/1995 | Nghệ An         | 15TN-NL  | 7.9    | 8.5            | 8.2              | Giỏi           | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 27  | 15001565 | Dương Thanh  | Việt  | Nam       | 08/02/1997 | Đồng Tháp       | 15TN-NL  | 6.8    | 7.2            | 7                | Khá            |                                    |
| 28  | 15003468 | Phạm Tiến    | Dũng  | Nam       | 10/03/1993 | Đắk Nông        | 15TN-Ô   | 7.7    | 8.2            | 8                | Giỏi           | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 29  | 15003240 | Nguyễn       | Là    | Nam       | 15/05/1997 | Quảng Ngãi      | 15TN-Ô   | 7.5    | 7.7            | 7.6              | Khá            | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |
| 30  | 15002000 | Nguyễn Bảo   | Nghi  | Nam       | 24/04/1997 | Đồng Tháp       | 15TN-Ô   | 6.6    | 6.7            | 6.7              | Trung bình khá | Tháng 8/2017 chưa nộp BS bằng THPT |

Tổng cộng danh sách có **30** học sinh.

\* Loại **GIỎI** : 02 HS # 6.67 %  
 \* Loại **KHÁ** : 06 HS # 20.00 %  
 \* Loại **TB KHÁ** : 14 HS # 46.67 %  
 \* Loại **TB** : 08 HS # 26.66 %